UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
SỞ XÂY DỰNG

Số: 294 /HD-SXD
V/v triển khai Quyết định số 55/QĐ-BXD ngày 25/01/2017 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt Quy trình kiểm định và Quy trình bảo trì công trình tháp thu phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thừa Thiên Huế, ngày 28 tháng 02 năm 2017

Kính gửi:
- UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế;
- Các chủ đầu tư, chủ quản lý sử dụng các "tháp thu, phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình, cột BTS" trên địa bàn Tỉnh.

Ngày 25/01/2017, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 55/QĐ-BXD về việc phê duyệt Quy trình kiểm định và Quy trình bảo trì công trình tháp thu phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình (gọi tắt là Quyết định số 55/QĐ-BXD) . Nhằm triển khai có hiệu quả Quyết định nêu trên của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng hướng dẫn cụ thể một số nội dung như sau:

1. Phân cấp công trình "tháp thu, phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình, cột BTS"

Công trình "tháp thu, phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình, cột BTS" theo quy định tại Phụ lục 2 - Phân cấp công trình theo quy mô kết cấu, ban hành kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng thuộc công trình có kết cấu dạng cột, trụ, tháp trong công trình Hạ tầng kỹ thuật (Mục 2.2.2) như sau:

T.T	Loại kết cấu	Tiêu chí phân cấp	Cấp công trình				
			Đặc biệt	I	II	III	IV
2.2	2.2.2. Kết cấu dạng cột, trụ, tháp trong công trình Hạ tầng kỹ thuật	Chiều cao của kết cấu (m)	≥ 300	150 ÷ < 300	75 ÷ < 150	>45 ÷ < 75	≤ 45

2. Quy trình bảo trì công trình xây dựng:

2.1. Nội dung chính của quy trình bảo trình công trình xây dựng bao gồm:

a) Các thông số kỹ thuật, công nghệ của công trình, bộ phận công trình và thiết bị công trình;

b) Quy định đối tượng, phương pháp và tần suất kiểm tra công trình;

c) Quy định nội dung và chỉ dẫn thực hiện bảo dưỡng công trình phù hợp với từng bộ phận công trình, loại công trình và thiết bị lắp đặt vào công trình;

d) Quy định thời điểm và chỉ dẫn thay thế định kỳ các thiết bị lắp đặt vào công trình;

đ) Chỉ dẫn phương pháp sửa chữa các hư hỏng của công trình, xử lý các trường hợp công trình bị xuống cấp;

e) Quy định thời gian sử dụng của công trình;

g) Quy định về nội dung, thời gian đánh giá định kỳ đối với công trình phải đánh giá an toàn trong quá trình khai thác sử dụng theo quy định của pháp luật có liên quan;

h) Xác định thời điểm, đối tượng và nội dung cần kiểm định định kỳ;

i) Quy định thời điểm, phương pháp, chu kỳ quan trắc đối với công trình có yêu cầu thực hiện quan trắc;

k) Các chỉ dẫn khác liên quan đến bảo trì công trình xây dựng và quy định các điều kiện nhằm bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện bảo trì công trình xây dựng.

2.2. Trách nhiệm lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng:

a) Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì công trình xây dựng, bộ phận công trình cùng với hồ sơ thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở; cập nhật quy trình bảo trì cho phù hợp với các nội dung thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng (nếu có) trước khi nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng;

b) Nhà thầu cung cấp thiết bị lắp đặt vào công trình lập và bàn giao cho chủ đầu tư quy trình bảo trì đối với thiết bị do mình cung cấp trước khi lắp đặt vào công trình;

c) Trường hợp nhà thầu thiết kế xây dựng công trình, nhà thầu cung ứng thiết bị không lập được quy trình bảo trì, chủ đầu tư có thể thuê đơn vị tư vấn

khác có đủ điều kiện năng lực để lập quy trình, bảo trì và có trách nhiệm chi trả chi phí tư vấn;

d) Chủ đầu tư tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì theo quy định. Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình có thể thuê đơn vị tư vấn có đủ điều kiện năng lực để thẩm tra một phần hoặc toàn bộ quy trình bảo trì công trình xây dựng do nhà thầu thiết kế lập làm cơ sở cho việc phê duyệt;

đ) Đối với các công trình xây dựng đã đưa vào khai thác, sử dụng nhưng chưa có quy trình bảo trì thì chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình xây dựng, có thể tổ chức kiểm định chất lượng công trình xây dựng làm cơ sở để lập quy trình bảo trì công trình xây dựng nếu cần thiết. Trong quy trình bảo trì phải xác định rõ thời gian sử dụng còn lại của công trình.

2.3. Không bắt buộc phải lập quy trình bảo trì riêng cho từng công trình cấp III trở xuống, nhà ở riêng lẻ và công trình tạm, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng của các công trình này vẫn phải thực hiện bảo trì công trình xây dựng theo các quy định về bảo trì công trình xây dựng.

2.4. Trường hợp có tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì hoặc có quy trình bảo trì của công trình tương tự phù hợp thì chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình có thể áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc quy trình đó cho công trình mà không cần lập quy trình bảo trì riêng.

2.5. Điều chỉnh quy trình bảo trì công trình xây dựng:

a) Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình được quyền điều chỉnh quy trình bảo trì khi phát hiện thấy những yếu tố bất hợp lý có thể ảnh hưởng đến chất lượng công trình, gây ảnh hưởng đến việc khai thác, sử dụng công trình và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

b) Nhà thầu lập quy trình bảo trì có nghĩa vụ sửa đổi, bổ sung hoặc thay đổi những nội dung bất hợp lý trong quy trình bảo trì nếu do lỗi của mình gây ra và có quyền từ chối những yêu cầu điều chỉnh quy trình bảo trì không hợp lý của chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình;

c) Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình có quyền thuê nhà thầu khác có đủ điều kiện năng lực thực hiện sửa đổi, bổ sung thay đổi quy trình bảo trì trong trường hợp nhà thầu lập quy trình bảo trì ban đầu không thực hiện

các việc này. Nhà thầu thực hiện sửa đổi, bổ sung quy trình bảo trì công trình xây dựng phải chịu trách nhiệm về chất lượng công việc do mình thực hiện;

d) Đối với công trình sử dụng tiêu chuẩn kỹ thuật bảo trì để thực hiện bảo trì, khi tiêu chuẩn này được sửa đổi hoặc thay thế thì chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình có trách nhiệm thực hiện bảo trì theo nội dung đã được sửa đổi;

đ) Chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng công trình có trách nhiệm phê duyệt những nội dung điều chỉnh của quy trình bảo trì, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Trách nhiệm bảo trì công trình xây dựng

3.1. Công trình có một chủ sở hữu:

a) Công trình thuộc sở hữu nhà nước thì tổ chức, cá nhân được nhà nước giao quản lý, khai thác công trình có trách nhiệm bảo trì công trình;

b) Công trình thuộc sở hữu khác, chủ sở hữu công trình có trách nhiệm bảo trì công trình.

c) Công trình đầu tư theo hình thức BOT, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp dự án chịu trách nhiệm bảo trì công trình trong thời gian khai thác kinh doanh quy định trong hợp đồng dự án.

3.2. Công trình có nhiều chủ sở hữu: Chủ sở hữu phần riêng của công trình có trách nhiệm bảo trì phần sở hữu riêng của mình và đồng thời phải có trách nhiệm bảo trì phần sở hữu chung của công trình. Việc phân định trách nhiệm bảo trì phần sở hữu chung của công trình phải được các chủ sở hữu hoặc người được ủy quyền thỏa thuận cụ thể bằng văn bản hoặc trong hợp đồng mua bán, thuê mua tài sản.

3.3. Chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình khi giao cho tổ chức, cá nhân khác khai thác, sử dụng công trình phải thỏa thuận với tổ chức, cá nhân này về trách nhiệm bảo trì công trình.

3.4. Trường hợp công trình đã được đưa vào sử dụng nhưng chưa bàn giao cho chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình thì chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức bảo trì công trình.

3.5. Đối với công trình chưa xác định chủ sở hữu thì người đang khai thác, sử dụng công trình có trách nhiệm bảo trì công trình.

4. Kiểm định xây dựng

4.1. Lĩnh vực kiểm định xây dựng:

a) Kiểm định chất lượng, xác định nguyên nhân hư hỏng, thời hạn sử dụng của bộ phận công trình, công trình xây dựng và kiểm định để xác định nguyên nhân sự cố công trình xây dựng;

b) Kiểm định chất lượng vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng, sản phẩm xây dựng.

4.2. Lựa chọn tổ chức kiểm định xây dựng:

a) Tổ chức thực hiện kiểm định phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định, phù hợp với lĩnh vực kiểm định và được đăng tải thông tin năng lực hoạt động xây dựng trên trang thông tin điện tử theo quy định. Cá nhân chủ trì kiểm định phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định, phù hợp với lĩnh vực kiểm định;

b) Trường hợp kiểm định theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng và cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng quy định (gọi chung là cơ quan yêu cầu), chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình lựa chọn tổ chức kiểm định theo quy định và có ý kiến chấp thuận của cơ quan yêu cầu.

Trong trường hợp này, tổ chức kiểm định phải độc lập về pháp lý, tài chính với chủ đầu tư và các nhà thầu khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, cung ứng vật tư - thiết bị, quản lý dự án và giám sát thi công xây dựng công trình.

4.3. Trình tự thực hiện kiểm định theo yêu cầu của cơ quan yêu cầu như sau:

a) Tổ chức kiểm định lập đề cương kiểm định trình cơ quan yêu cầu xem xét, chấp thuận;

b) Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình tổ chức phê duyệt đề cương, dự toán chi phí kiểm định do tổ chức kiểm định lập và ký hợp đồng với tổ chức này theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức kiểm định thực hiện theo đề cương kiểm định được phê duyệt và lập báo cáo kết quả kiểm định trình cơ quan yêu cầu và chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình;

d) Chủ đầu tư, chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình và tổ chức kiểm định tiến hành nghiệm thu báo cáo kết quả kiểm định và thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật về hợp đồng trong hoạt động xây dựng.

4.4. Đề cương kiểm định bao gồm các nội dung chính sau:

a) Mục đích, yêu cầu, đối tượng và nội dung kiểm định;

b) Danh mục các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được áp dụng;

c) Thông tin về năng lực của chủ trì và cá nhân thực hiện kiểm định; phòng thí nghiệm và thiết bị được sử dụng để thực hiện kiểm định (nếu có);

d) Quy trình và phương pháp thực hiện kiểm định;

đ) Tiến độ thực hiện kiểm định;

e) Các điều kiện khác để thực hiện kiểm định.

4.5. Báo cáo kết quả kiểm định bao gồm các nội dung chính sau:

a) Căn cứ thực hiện kiểm định;

b) Thông tin chung về công trình và đối tượng kiểm định;

c) Nội dung, trình tự thực hiện kiểm định;

d) Các kết quả thí nghiệm, tính toán, phân tích, quan trắc và đánh giá;

đ) Kết luận về những nội dung theo yêu cầu của đề cương kiểm định được phê duyệt và các kiến nghị (nếu có).

5. Quy trình bảo trì các công trình tháp thu phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình ban hành kèm Quyết định số 55/QĐ-BXD gồm một số nội dung chính như sau:

a) Cơ sơ đề xuất quy trình bảo trì.

b) Đối tượng và phạm vi áp dụng.

c) Một số vấn đề cơ bản của bảo trì.

d) Các quy định về an toàn khi bảo trì trạm thu phát sóng.

đ) Sơ đồ thực hiện công tác bảo trì.

e) Quy trình bảo trì.

f) Bảo dưỡng.

g) Sửa chữa kết cấu công trình.

6. Quy trình kiểm định các công trình tháp thu phát sóng viễn thông, truyền thanh, truyền hình ban hành kèm Quyết định số 55/QĐ-BXD gồm một số nội dung chính như sau:

a) Cơ sở xây dựng quy trình kiểm định.

b) Đối tượng và phạm vi áp dụng.

c) Căn cứ để kiểm định.

d) Chu kỳ kiểm định.

đ) Công tác chuẩn bị.

e) Lập đề cương kiểm định.

f) Công tác đo đạc, khảo sát.

g) Lấy mẫu thí nghiệm xác định đặc trưng vật liệu.

h) Xác định tải trọng thực tế.

i) Phân tích, đánh giá an toàn kết cấu.

j) Lập báo cáo kiểm định.

k) An toàn khi kiểm định.

Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND Tỉnh, Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Sở Xây dựng hướng dẫn cho các đơn vị liên quan biết để khẩn trương triển khai thực hiện./.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XHCN VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Nguyễn Đại Viên

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND Tỉnh (báo cáo);
- Sở TT&TT;
- Lưu VT, PTĐT&HTKT.